

Số: 422 /TB-TMB

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Mã chứng khoán: TMB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38642793

Fax: 024.38642792

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Minh Hải

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

- Thời gian tiến hành đại hội: Từ 08h 30' đến 10h 30', thứ sáu, ngày 23/4/2021

- Địa điểm tiến hành đại hội: Số 5 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Số lượng cổ đông tham gia đại hội: 29 cổ đông

- Tổng số cổ phần sở hữu của các cổ đông và đại diện tham dự đại hội: 12.623.855 cổ phần, bằng 84,16% tổng số cổ phần của Công ty.

- Nội dung cụ thể của tài liệu kèm theo Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 được đăng tải trên website: <http://thanmienbac.vn>

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào lúc 16h00' ngày 23/4/2021 tại đường dẫn: <http://thanmienbac.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT, TGD, BKS (e-copy)
- P.TGD: N.M.Hải (e-copy)
- Trang web: <http://thanmienbac.vn>
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Hải



Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 23/4/2021;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 với các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2020:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Các chỉ tiêu hiện vật</b>				
a	Than mua	Tấn	6.700.000	6.869.685	103%
b	Than bán	Tấn	6.100.000	6.193.469	102%
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn	1.300.000	1.335.333	
	- Than giao lại TKV	Tấn	4.800.000	4.858.136	
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>11.559.218</b>	<b>10.990.285</b>	<b>95%</b>
a	Doanh thu than	"	11.499.218	10.895.609	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than				
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	40.000	76.829	
d	Doanh thu kinh doanh khác	"	20.000	17.846	
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.782.042</b>	<b>10.217.531</b>	<b>95%</b>
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất (Lãi gộp)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>777.176</b>	<b>772.753</b>	<b>99%</b>
<b>5</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuế ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>384.791</b>	<b>431.671</b>	<b>112%</b>
<b>6</b>	<b>Thu nhập, chi phí tài chính:</b>	<b>Tr.đồng</b>	-		
6.1	Thu nhập tài chính:	"	-	11.339	





Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
6.2	Chi phí tài chính:	"	-	81.431	
	Trong đó: - Lãi vay	"		59.775	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	"		(70.092)	
<b>7</b>	<b>Thu nhập, chi phí khác:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-</b>		
7.1	Thu nhập khác	"		22.272	
7.2	Chi phí khác	"		1.475	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	"		20.797	
<b>8</b>	<b>Chi phí SXKD:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>693.176</b>	<b>648.839</b>	<b>94%</b>
8.1	Chi phí trung gian:	"	556.141	527.103	
	Trong đó: Chi phí thuê ngoài:	"	392.385	341.082	
8.2	Giá trị gia tăng (GDP):	"	137.035	121.736	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	10.448	
	- Tiền lương người lao động	"	93.141	93.141	
	- Tiền lương VCQL chuyên trách	"	2.381	2.381	
	- Thù lao HĐQT, BKS	"		371	
	- Bảo hiểm, BHYT, KPCĐ	"	9.200	10.246	
	- Thuế (trong giá thành)	"	20.300	5.149	
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>			
	- Lợi nhuận trước thuế	"	55.500	74.620	134%
	- Chi phí thuế TNDN hiện hành (tính cả khoản truy thu)	"		19.561	
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		55.059	
<b>10</b>	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	<b>551.155</b>	
<b>11</b>	<b>Đơn giá tiền lương:</b>	<b>Đ/1000đ GTSX</b>	<b>248</b>	<b>216</b>	<b>89%</b>
<b>12</b>	<b>Lao động bình quân:</b>	<b>Người</b>	<b>665</b>	<b>665</b>	<b>100%</b>
	- Lao động	"	659	659	
	- VCQL	"	6	6	
<b>13</b>	<b>Thu nhập bình quân:</b>				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	11.970.000	100%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	11.778.000	100%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	33.069.000	100%
<b>14</b>	<b>Vốn chủ sở hữu:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>163.253</b>	<b>257.975</b>	<b>129%</b>
<b>15</b>	<b>Vốn vay ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>966.000</b>	<b>1.224.641</b>	<b>75%</b>
<b>16</b>	<b>Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH</b>	<b>Lần</b>	<b>8,37</b>	<b>8,96</b>	<b>107%</b>
<b>17</b>	<b>Hệ số nợ lợi nhuận KH/Vốn CSH</b>	<b>%</b>	<b>51,5</b>	<b>28,9</b>	<b>56%</b>
<b>18</b>	<b>Đầu tư XDCB:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>14.012</b>	<b>6.174</b>	<b>44%</b>
<b>19</b>	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>7,0</b>	<b>10,0</b>	<b>143%</b>



1.2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>			
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	790.000	
	<i>Trong đó: - Than nhập khẩu để pha trộn</i>	"	395.000	
1.2	Than tiêu thụ	Tấn	7.700.000	
	<i>Tr.đó: - Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện</i>	Tấn	5.500.000	
	<i>- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm</i>	Tấn	200.000	
	<i>- Than tự doanh</i>	Tấn	2.000.000	
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>13.522.633</b>	
2.1	Doanh thu than	"	13.451.633	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	
2.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
2.4	Doanh thu kinh doanh khác	"	15.000	
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>12.608.123</b>	
3.1	Kinh doanh than	"	12.598.123	
3.2	Kinh doanh khác	"	10.000	
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>914.510</b>	
4.1	Kinh doanh than	"	853.510	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
4.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
4.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
<b>5</b>	<b>Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>503.711</b>	
5.1	Kinh doanh than	"	497.711	
5.2	Chi phí giao nhận than hộ lớn	"	-	
5.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
5.4	Kinh doanh khác	"	-	
<b>6</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>410.799</b>	
6.1	Kinh doanh than	"	355.799	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
6.3	Phí vận chuyển, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	-	
6.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
<b>7</b>	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>816.057</b>	
7.1	Chi phí trung gian:		689.322	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, bốc xúc bán hàng thuê ngoài:</i>		525.880	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		126.735	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	
	- Tiền lương		95.522	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	93.141	



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.381	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	9.200	
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.000	
<b>8</b>	<b>Tổng lợi nhuận:</b>		<b>60.622</b>	
<b>9</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	
9.1	Đơn giá tiền lương: (GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	227	
9.2	Lao động bình quân	Người	665	
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>659</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	11.970.000	
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	
<b>10</b>	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Theo qui định hiện hành</b>		
<b>11</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>23.946</b>	
<b>12</b>	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%/VDL</b>	<b>7,00</b>	

**Trong đó:**

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng chi tiết theo Thông báo số 6317/TKV-ĐT ngày 31/12/2020 của Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Giá trị sản xuất (GTSX) tính lương là GTSX không bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp thuê ngoài khâu bán hàng.

- Doanh thu khác kế hoạch năm 2021 bao gồm: Các sản phẩm ngoài than, bán buôn kim loại và quặng kim loại, vật liệu xây dựng...(các ngành nghề theo Điều lệ Công ty)

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 2.569.776.332.983 đồng

- Tổng nguồn vốn : 2.569.776.332.983 đồng

*Trong đó:*

+ Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)

+ Vốn khác của Chủ sở hữu : 10.096.236.164 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển : 21.910.026.877 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 75.968.870.605 đồng

2.2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (Tr.đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020	74.620
2	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	23.186
	- Các khoản chi phí loại trừ	599
	- Chi phí tài chính vượt theo NĐ 68/NĐ-CP năm 2020	22.587



3	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2020	97.806
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20%	19.561
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế	55.059
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (10% vốn điều lệ)	15.000
7	Phần lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức cho các cổ đông	40.059
8	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận còn lại)	12.018
9	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của Người lao động Công ty năm 2020):	11.643
	- Quỹ khen thưởng (40%):	4.657
	- Quỹ phúc lợi (60%):	6.986
10	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của viên chức quản lý Công ty năm 2020)	298
11	Phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	16.101

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020; Kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021; Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty năm 2021.

3.1. Thông qua Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 ngày 23/6/2020, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm (áp dụng theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của TKV).

Tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2020 là: 377.040.000 đồng.

3.2. Thông qua kế hoạch chi trả tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021: Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 được tính như năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng



3.3. Thông qua Phương án Tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021 được xác định như năm 2020, xếp mức 22.900.000 đồng/tháng (Hạng I/Nhóm II; Phụ lục 04-Tiền lương của Người quản lý) theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

**Điều 5:** Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Đại hội nhất trí lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết, đã có kinh nghiệm kiểm toán trong Ngành Than để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2020 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020.

**Điều 7:** Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:

Đại hội nhất trí thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty con cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo văn bản số 1455/TKV-TCNS ngày 07/4/2021.

**Điều 8:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

**Điều 9:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty như sau:

9.1 Được chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;



9.2 Được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020

**Điều 10: Điều khoản thi hành**

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin năm 2021 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN, VSD;
- Các cổ đông (TKV, khác);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các phòng TMB; KTNB;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng (Đăng trang Website),
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



  
**Phạm Tuấn Ngọc**





**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Hôm nay, ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin, số 5 Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội, Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Về dự Đại hội có 29 cổ đông, đại diện cho 12.623.855 cổ phần chiếm 84,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tỷ lệ tham dự Đại hội đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 theo quy định tại khoản 1 điều 19 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện hành).

*(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)*

Các cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông do ông Nguyễn Đức Đoàn - Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông, trình bày trước Đại hội.

Chủ tọa điều hành Đại hội: Ông Phạm Tuấn Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Đại hội đã cử Ông Lê Anh Tuấn - Chánh văn phòng Công ty làm Thư ký đại hội, giúp việc cho thư ký là Ông Vũ Huy Phương - Thư ký Công ty.

Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:

**1. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tọa điều hành Đại hội trình bày nội dung Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

**2. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tọa điều hành Đại hội thông báo Chương trình nghị sự Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%





**3. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021:**

Đại hội đã nghe Ông Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2021.

Đại hội đã nhất trí thông qua kết quả SXKD trong năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Các chỉ tiêu hiện vật</b>				
a	Than mua	Tấn	6.700.000	6.869.685	103%
b	Than bán	Tấn	6.100.000	6.193.469	102%
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn	1.300.000	1.335.333	
	- Than giao lại TKV	Tấn	4.800.000	4.858.136	
<b>2</b>	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>11.559.218</b>	<b>10.990.285</b>	<b>95%</b>
a	Doanh thu than	"	11.499.218	10.895.609	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than				
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	40.000	76.829	
d	Doanh thu kinh doanh khác	"	20.000	17.846	
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>10.782.042</b>	<b>10.217.531</b>	<b>95%</b>
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất (Lãi gộp)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>777.176</b>	<b>772.753</b>	<b>99%</b>
<b>5</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>384.791</b>	<b>431.671</b>	<b>112%</b>
<b>6</b>	<b>Thu nhập, chi phí tài chính:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-</b>		
6.1	Thu nhập tài chính:	"	-	11.339	
6.2	Chi phí tài chính:	"	-	81.431	
	Trong đó: - Lãi vay	"		59.775	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	"		(70.092)	
<b>7</b>	<b>Thu nhập, chi phí khác:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>-</b>		
7.1	Thu nhập khác	"		22.272	
7.2	Chi phí khác	"		1.475	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	"		20.797	
<b>8</b>	<b>Chi phí SXKD:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>693.176</b>	<b>648.839</b>	<b>94%</b>
8.1	Chi phí trung gian:	"	556.141	527.103	
	Trong đó: Chi phí thuê ngoài:	"	392.385	341.082	
8.2	Giá trị gia tăng (GDP):	"	137.035	121.736	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	10.448	
	- Tiền lương người lao động	"	93.141	93.141	
	- Tiền lương VCQL chuyên trách	"	2.381	2.381	
	- Thù lao HĐQT, BKS	"		371	
	- Bảo hiểm, BHYT, KPCĐ	"	9.200	10.246	
	- Thuế (trong giá thành)	"	20.300	5.149	



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
9	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>			
	- Lợi nhuận trước thuế	"	55.500	74.620	134%
	- Chi phí thuế TNDN hiện hành (tính cả khoản truy thu)	"		19.561	
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		55.059	
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	<b>551.155</b>	
11	<b>Đơn giá tiền lương:</b>	Đ/1000đ GTSX	248	216	89%
12	<b>Lao động bình quân:</b>	<b>Người</b>	<b>665</b>	<b>665</b>	<b>100%</b>
	- Lao động	"	659	659	
	- VCQL	"	6	6	
13	<b>Thu nhập bình quân:</b>				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	11.970.000	100%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	11.778.000	100%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	33.069.000	100%
14	<b>Vốn chủ sở hữu:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>163.253</b>	<b>257.975</b>	<b>129%</b>
15	<b>Vốn vay ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>966.000</b>	<b>1.224.641</b>	<b>75%</b>
16	<b>Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH</b>	<b>Lần</b>	<b>8,37</b>	<b>8,96</b>	<b>107%</b>
17	<b>Hệ số nợ lợi nhuận KH/Vốn CSH</b>	<b>%</b>	<b>51,5</b>	<b>28,9</b>	<b>56%</b>
18	<b>Đầu tư XDCB:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>14.012</b>	<b>6.174</b>	<b>44%</b>
19	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>7,0</b>	<b>10,0</b>	<b>143%</b>

Đạt được kết quả trên là do Công ty đã nhận thức được khó khăn, biết chủ động ứng biến linh hoạt, năng động trong kinh doanh và truyền thống của đơn vị, phát huy sức mạnh của tập thể người lao động để hoàn thành “mục tiêu kép”, vừa duy trì hiệu quả SXKD, vừa đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>			
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	790.000	
	<i>Trong đó: - Than nhập khẩu để pha trộn</i>	"	395.000	
1.2	Than tiêu thụ	Tấn	7.700.000	
	<i>Tr.đó: - Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện</i>	Tấn	5.500.000	
	<i>- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm</i>	Tấn	200.000	
	<i>- Than tự doanh</i>	Tấn	2.000.000	
2	<b>Doanh thu tổng số:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>13.522.633</b>	



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
2.1	Doanh thu than	"	13.451.633	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	
2.3	Phí vận chuyên, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
2.4	Doanh thu kinh doanh khác	"	15.000	
<b>3</b>	<b>Giá vốn mua vào của hàng bán ra</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>12.608.123</b>	
3.1	Kinh doanh than	"	12.598.123	
3.2	Kinh doanh khác	"	10.000	
<b>4</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>914.510</b>	
4.1	Kinh doanh than	"	853.510	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
4.3	Phí vận chuyên, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
4.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
<b>5</b>	<b>Chi phí vận chuyên, bốc xếp bán hàng thuê ngoài</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>503.711</b>	
5.1	Kinh doanh than	"	497.711	
5.2	Chi phí giao nhận than hộ lớn	"	-	
5.3	Phí vận chuyên, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	6.000	
5.4	Kinh doanh khác	"	-	
<b>6</b>	<b>Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>410.799</b>	
6.1	Kinh doanh than	"	355.799	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
6.3	Phí vận chuyên, bốc xếp giao than hộ lớn TKV	"	-	
6.4	Kinh doanh khác	"	5.000	
<b>7</b>	<b>Tổng chi phí SXKD trong kỳ:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>816.057</b>	
7.1	Chi phí trung gian:		689.322	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, bốc xúc bán hàng thuê ngoài:</i>		525.880	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		126.735	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	
	- Tiền lương		95.522	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	93.141	
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	"	2.381	
	- Bảo hiểm, thù lao HDQT, BKS	"	9.200	
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.000	
<b>8</b>	<b>Tổng lợi nhuận:</b>		<b>60.622</b>	
<b>9</b>	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>Theo chế độ</b>	
9.1	Đơn giá tiền lương: (GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	227	
9.2	Lao động bình quân	Người	665	
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	659	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	6	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	11.970.000	



Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	
10	<b>Nộp ngân sách:</b>	<b>Theo qui định hiện hành</b>		
11	<b>Đầu tư XD CB</b>	Tr.đồng	<b>23.946</b>	
12	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	%/VDL	<b>7,00</b>	

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

#### 4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty, trình bày Báo cáo Tài chính năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020.

\* Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 2.569.776.332.983 đồng
- Tổng nguồn vốn : 2.569.776.332.983 đồng

Trong đó:

- + Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)
- + Vốn khác của Chủ sở hữu : 10.096.236.164 đồng
- + Quỹ đầu tư phát triển : 21.910.026.877 đồng
- + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 75.968.870.605 đồng

\* Đại hội thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (Tr.đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020	74.620
2	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	23.186
	- Các khoản chi phí loại trừ	599
	- Chi phí tài chính vượt theo NĐ 68/NĐ-CP năm 2020	22.587
3	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2020	97.806
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20%	19.561
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế	55.059
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (10% vốn điều lệ)	15.000
7	Phần lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức cho các cổ đông	40.059
8	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận còn lại)	12.018
9	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của Người lao động Công ty năm 2020):	11.643
	- Quỹ khen thưởng (40%):	4.657
	- Quỹ phúc lợi (60%):	6.986



10	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của viên chức quản lý Công ty năm 2020)	298
11	Phân lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau	16.101

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

**5. Thông qua Báo cáo tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020; Kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021; Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty năm 2021:**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Báo cáo tiền thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020; Kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021; Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty năm 2021. Chi tiết như sau:

\* Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 ngày 23/6/2020, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm (áp dụng theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của TKV)

Tiền thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2020 là: 377.040.000 đồng.

\* Kế hoạch chi trả tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021: Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021 được tính như năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức thù lao hàng tháng của các thành viên HĐQT, BKS
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Trưởng ban KS	01 người	Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao.
4	Ủy viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng



\* Phương án Tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2021 được được xác định như năm 2020, xếp mức 22.900.000 đồng/tháng (Hạng I/Nhóm II; Phụ lục 04-Tiền lương của Người quản lý) theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

\* Phương thức chi trả:

Căn cứ Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của TKV ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được tạm ứng 80% mức tiền thù lao tháng, số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

#### **6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:**

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán, đề nghị Công ty khắc phục.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

#### **7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.**

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết, đã có kinh nghiệm kiểm toán trong Ngành Than để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%



## **8. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty năm 2020.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2020 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

## **9. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty con cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo văn bản số 1455/TKV-TCNS ngày 07/4/2021.

Toàn văn nội dung Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đã được gửi tới các quý vị cổ đông dự họp và đăng trên trang website ([thanmienbac.vn](http://thanmienbac.vn)) của Công ty.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua toàn văn Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

## **10. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.



**11. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Các cổ đông còn lại (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty như sau:

1. Được chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2. Được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam không tham gia biểu quyết).

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

**12. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:**

Đại hội đã nghe ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Bản dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin đã được tất cả các cổ đông tham dự nhất trí thông qua với kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2021.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Lê Anh Tuấn**



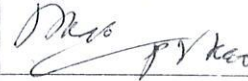
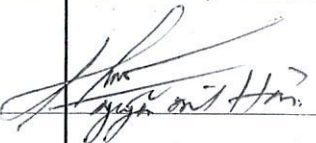
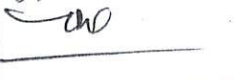
**CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI**



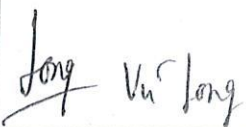


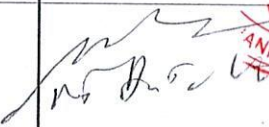
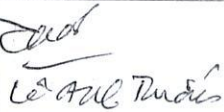
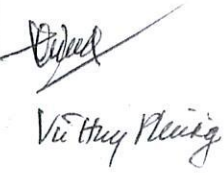

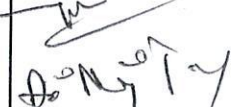
**Phạm Tuấn Ngọc**



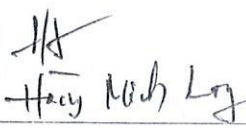
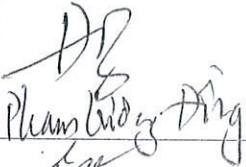

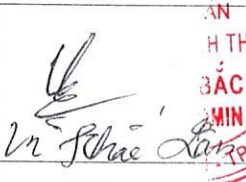


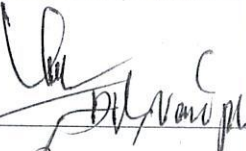
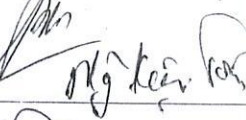
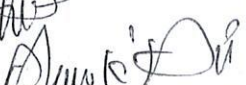
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN  
NGÀY 23 THÁNG 4 NĂM 2021**

TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp (ghi rõ họ và tên)
	<b>Tổng số</b>			<b>84,16%</b>	<b>12.623.855</b>	<b>174.805</b>	<b>12.449.050</b>	
<b>I</b>	<b>Cổ đông pháp nhân:</b>			<b>67,44%</b>	<b>10.116.000</b>	<b>-</b>	<b>10.116.000</b>	
1	Phạm Tuấn Ngọc - Đại diện Tập đoàn TKV	Số 226, Đường Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội.	034068000051 cấp ngày 10/6/2014 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	67,44%	10.116.000		10.116.000	
<b>II</b>	<b>Cổ đông thể nhân (Trong Công ty)</b>			<b>16,14%</b>	<b>2.421.607</b>	<b>170.149</b>	<b>2.251.458</b>	
2	Ngô Quang Trung	P.Hồng gai, TP.Hạ Long, Quảng ninh	100622246 cấp ngày 29/06/2007 CA Quảng Ninh	0,02%	3.582	3.582		
3	Phạm Văn Hào	Tổ 3 khu 6B, P.Hồng Hải, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	031066006070 cấp ngày 10/10/2019 Cục QLHCVTXXH	0,04%	6.090	6.090		
4	Nguyễn Minh Hải	Phòng 306, VP2, Bán đảo Linh Đàm, Q.Hoàng Mai, Hà Nội.	013055437 cấp ngày 19/3/2008 CA Hà Nội.	0,08%	12.372	12.372		
5	Nguyễn Anh Toán	Số 469B Lê Hoàn, Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	171268999 cấp ngày 22/12/2005 CA Thanh Hóa	2,33%	349.254	5.376	343.878	

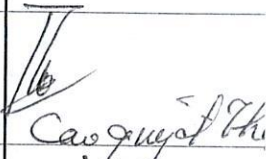
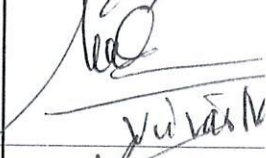

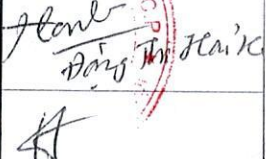
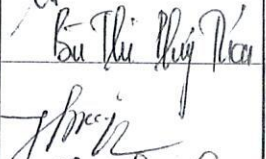
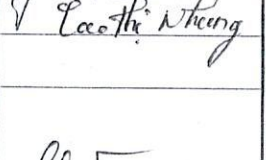


TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp (ghi rõ họ và tên)
6	Vũ Hữu Long	P.Cao Thắng, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	022076001134 cấp ngày 22/11/2016 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	2,47%	370.422	15.000	355.422	
7	Nguyễn Anh Chung	Chung cư Sông Đà, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	017368662 cấp ngày 07/04/2012 CA Hà Nội	0,06%	8.958		8.958	
8	Phạm Ngọc Bảo	Số 47A, ngõ 121, Thái Hà, Q.Đống Đa, Hà Nội	022067000017 cấp ngày 14/5/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,05%	7.524	7.524		 10010 CÔNG CỔ PH NH ĐOÀN MIỀN VINAC ANH XUÂN
9	Nguyễn Đức Vinh	Số 235, Mạc Thị Bưởi, TP Nam Định, Nam Định	162861211 cấp ngày 02/7/2008 CA Nam Định.	0,02%	3.000	3.000		
10	Lê Anh Tuấn	Số 8, Lý Đạo Thành, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	001062004618 cấp ngày 28/7/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,04%	6.000	6.000		
11	Vũ Huy Phương	Căn 1209B tầng 12 Block B Tòa nhà HH02- Nhà ở cao tầng kết hợp DVTM Ecolakeview, Số 32 phố Đại Từ, P.Đại Kim, Q. Hoàng Mai, TP Hà Nội.	090705855 cấp ngày 22/08/2014 CA Thái Nguyên	0,03%	4.746		4.746	
12	Nguyễn Đức Đoàn	103, Q3, Tân Mai, Q.Hoàng Mai, Hà Nội.	013165949 cấp ngày 20/03/2009 CA Hà Nội.	0,04%	6.540	6.540		
13	Đỗ Nguyễn Trung	Số 6D, ngõ 358/55/20, Bùi Xương Trạch, Hà Nội.	013155865 cấp ngày 21/4/2009 CA TP Hà Nội	0,05%	7.033	7.033		



TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp (ghi rõ họ và tên)
14	Hoàng Minh Long	Tổ 4, Khu 4 B, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh.	022079004442 cấp ngày 16/11/2020 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,04%	6.000		6.000	
15	Phạm Lương Đồng	Khê Hôi, xã Hà Hôi, huyện Thường Tín, Hà Nội.	B4093007 cấp ngày 29/6/2010 Cục QL Xuất nhập cảnh	0,15%	22.764	22.764		
16	Lê Trung Cường	Tổ 4, Khu 4 B, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	022078002786 cấp ngày 08/04/2019 Cục CS QLHC về trật tự xã hội.	0,03%	4.296		4.296	
17	Vũ Khắc Lân	T12, Khu 2B P.Hồng Hải, TP.Hạ Long, Quảng Ninh	038065000488 cấp ngày 03/6/2016 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,16%	24.372		24.372	
18	Đỗ Chí Trung	T31, Khu 3, P.Cao Thắng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.	100620782 cấp ngày 22/11/2011 CA Quảng Ninh	1,48%	221.490		221.490	
19	Lưu Quốc Anh	P 2404, CC 165A, Đường Thái Hà, phường Láng Hạ, Đống Đa.	038076000112 cấp ngày 16/1/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,79%	118.730	12.474	106.256	
20	Đình Văn Phú	Số 27, Lý Chiêu Hoàng, P. Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh.	125122518 cấp ngày 13/4/2017 CA tỉnh Bắc Ninh.	2,41%	361.350	1.800	359.550	
21	Nguyễn Kiện Toàn	Số 78, tổ 25, P.Hoàng Văn Thụ, tp Thái Nguyên, Thái Nguyên	164087836 cấp ngày 13/6/2012 CA Ninh Bình	1,92%	288.318	27.390	260.928	
22	Phạm Khắc Đủ	Số 30, ngách 152, ngõ Xã Đàn 2, P.Nam Đồng, Q.Đống Đa, Hà Nội.	013367112 cấp ngày 23/11/2010 CA Hà Nội.	0,91%	136.768	2.400	134.368	



TT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số CMND/CCCD	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được ủy quyền	Ký xác nhận tham dự họp (ghi rõ họ và tên)
23	Cao Quyết Thắng	Phường Hưng Phúc, TP.Vinh, Nghệ An	181880307 cấp ngày 05/06/2019 CA Nghệ An.	1,90%	285.594	6.810	278.784	
24	Vũ Văn Mạnh	21, Bà Triệu, Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.	034075007250 cấp ngày 20/3/2014 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư	0,13%	19.350		19.350	
25	Bùi Huy Nam	Số 31, Tổ 1A, khu I, P.Cao Xanh, TP.Hạ Long, Quảng Ninh.	100735623 cấp ngày 23/7/2012 CA Quảng Ninh	0,88%	132.738	9.678	123.060	
26	Đặng Thị Hải Hà	Nhà 12 hẻm 1 ngách 44, ngõ 1, Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	001171021575 cấp ngày 14/02/2020 Cục QLHCVTXXH	0,08%	11.916	11.916		
27	Bùi Thị Phương Thảo	P502 - CT1-2 ĐT Mễ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội	013216021 cấp ngày 12/06/2009 CA Hà Nội	0,01%	1.200	1.200		
28	Cao Thị Nhung	Số 40 Ngõ 21 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	013475338 cấp ngày 27/10/2011 CA Hà Nội	0,01%	1.200	1.200		
<b>III</b>	<b>Cổ đông thể nhân (Ngoài Công ty)</b>			<b>0,57%</b>	<b>86.248</b>	<b>4.656</b>	<b>81.592</b>	
29	Bùi Quang Huy	Số 39, ngõ 4, Hải Lộc, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	100730246 cấp ngày 14/2/2012 CA Quảng Ninh	0,57%	86.248	4.656	81.592	